

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Medium

EOS S3S

Giày an toàn bắn g **da ESD** cắt vừa, đư ợc ch ế t ạo để **có** t uổi th ọ **cao**

Giày bảo h ộ **giày** S**afety** v**à** k**hông** chứ**a** kim lóc . Hoàn hảo cho các chuyên gia trong nhiều ngành n gh ề **khác** nhau, giày có khả năng **và** **mang** lại khô ráo, thoáng mát.



Những vật liệu **cao** cấp hơn	Da Nappa Action
lót bên trong i **tái** chế	lưới
trong Đ ệm **chân** SJ làm từ **mút tái** chế (96% vật liệu **tái** chế)	
iữa đế g ệt chống thủ ng	
ngoài Đ	PU / PU
u Đứng đầ ồng hợp	t
i Loạ	S3S / SR, FO, ESD
Phạm **vi** kích thước	EU 35-50 / UK 3.0-14.0 / US 3.0-15.0 JPN 21.5-33.0 / KOR 230-330
ng lượng t **thép**	0.665 kg
ẩn **hoá** u chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022





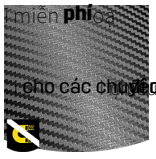
S3
Giày bảo hộ lao động S3 thích hợp làm việc trong môi trường có độ ẩm cao và có bụi. Những đôi giày này cũng bảo vệ người dùng khỏi **và** nghiền nát bàn chân.



SRC
Đ những tính năng **giày** **an** toàn và giày bảo vệ **SRC** vượt qua cả bài SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn chặn lửa do tích điện.
100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



Kim |
Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuyên



Mặt **trên** bằng **da thoáng khí**
Da tự nhiên các ứng dụng linh hoạt



& nhiên
ế ngoài có khả năng và nhiên liệu.

Công nghiệp n:

lĩnh vự c ô tô, Hoá h ọạcb , Xây dự n g, Khai thác m ỏ , Dầu khi, Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t

rư ờn ng tôn g t môi khô, môi ẩm, b ề mặt không bằn g phẳn g, môi ẩm ư ớt

Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẳ cách xa nhiệ Không trên lò s

K

	Sự miêu t ả	EN ISO 20345	ết ả	đơn vị u	đo lư ờn g q
Nhữ n g vật l iệu cao cấp h ơn	**Da Nappa Action**				
	Top: khả năng thấm hút ẩm ớ	? 0.8	2.0		mg/cm/g
	Top: hi nụ sốc ớ	? 15	24.2		mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế ớ				
	L ớp lót: thấm hút ẩm ớ	? 2	67.6		mg/cm/g
	lót: hi nụ sốc ớ	? 20	541		mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái ch ế (96%** vật l iệu **tái** ch ế)					
	ệ m chân: Đ ch ố n g mài mòn (khô/ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800		chu kỳ
goài Đ	**PU / PU**				
	Ch ố n g trơn trượt đế ngoài (mài mòn, trơn)	? 150	85.1		mm
	a đế ngoài SRA: gót chân	? 0.28	0.41		ma sát
	a đế ngoài SRA: Phẳ t g	? 0.32	0.43		ma sát
	a đế ngoài SRB: gót chân	? 0.13	0.13		ma sát
	ặc đế ngoài SRB: phẳ n g	? 0.18	0.19		ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	N/A		megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	24		megaohm
	Hấp thụ năng l ượ g gót chân củ	? 20	35		J
Đ ướ n g đầ t ợp					
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A		mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	16.0		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	21.5		mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi, không có sự thay thế và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

Dấ

	Sự miêu t ả		ết ả	đơn vị u	đo lư ờn g q
i **CO phát** thả					
	V ật l iệu			9.52	kg
	Bao bì			0.13	kg
	ất Sản x u			1.90	kg
	Chuyên ch ở			0.26	kg
					11.80 kg CO2/ cặp

	Sự miêu t ả	ết ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế				
	Product		7%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
Các giá trị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.